

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020  
(đã được kiểm toán)

## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-37
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-37

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

---

# **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

## **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 18 tháng 06 năm 2018.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

## **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Điều	Chủ tịch
Bà Lại Thị Hồng Diệp	Phó Chủ tịch
Ông La Thế Nhân	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên
Ông Hoàng Minh Anh Tú	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Minh Anh Tú	Tổng Giám đốc điều hành
Ông Hoàng Minh Anh Tài	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lại Thị Hồng Diệp	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Huệ	Giám đốc Chất lượng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Thái Thị Phụng	Trưởng ban
Bà Quách Thị Mai Trang	Thành viên
Ông Lê Quốc Thắng	Thành viên

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

---

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Hoàng Minh Anh Tú**

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Số: 290321/18/BCTC.KT2

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình được lập ngày 15 tháng 03 năm 2021, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### **Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



---

**Vũ Xuân Biển**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

---

**Đặng Huy Hoàng**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4461-2018-002-1

*Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2021*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

31



Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>96,716,549,785</b>	<b>92,594,893,401</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>7,049,647,253</b>	<b>12,549,493,804</b>
111	1. Tiền		3,549,647,253	8,049,493,804
112	2. Các khoản tương đương tiền		3,500,000,000	4,500,000,000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>51,627,341,090</b>	<b>29,046,902,137</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		51,627,341,090	29,046,902,137
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>36,333,569,927</b>	<b>46,705,909,793</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	12,415,177,001	36,669,551,087
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	16,450,544,095	6,415,142,656
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	400,000,000	1,500,000,000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	7,067,848,831	2,192,127,593
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(70,911,543)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>959,446,732</b>	<b>3,834,434,597</b>
141	1. Hàng tồn kho		959,446,732	3,834,434,597
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>746,544,783</b>	<b>458,153,070</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	33,151,925	458,153,070
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		713,392,858	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>124,072,706,380</b>	<b>114,655,592,462</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>34,001,000,000</b>	<b>19,806,000,000</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	34,000,000,000	19,800,000,000
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	1,000,000	6,000,000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>15,326,787,995</b>	<b>16,638,882,399</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	11,367,411,780	12,521,762,441
222	- Nguyên giá		40,507,477,131	45,168,146,425
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(29,140,065,351)	(32,646,383,984)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	3,959,376,215	4,117,119,958
228	- Nguyên giá		6,691,637,997	6,691,637,997
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2,732,261,782)	(2,574,518,039)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>14</b>	<b>27,447,498,811</b>	<b>28,297,951,815</b>
231	- Nguyên giá		52,456,972,189	52,456,972,189
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(25,009,473,378)	(24,159,020,374)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>11,210,042,597</b>	<b>4,906,443,971</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	11,210,042,597	4,906,443,971
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>36,087,376,977</b>	<b>45,006,314,277</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		40,200,000,000	40,200,000,000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		4,700,000,000	4,700,000,000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		159,699,200	159,699,200
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(8,972,322,223)	(53,384,923)
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>220,789,256,165</b>	<b>207,250,485,863</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>23,429,566,223</b>	<b>8,946,119,622</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>20,519,595,313</b>	<b>8,946,119,622</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	9,375,189,910	397,148,195
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		35,440,000	30,220,000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	38,083,762	721,313,396
314	4. Phải trả người lao động		1,038,297,165	885,910,000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	409,904,727
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	8,572,606,611	5,589,287,166
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	727,492,727	-
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		732,485,138	912,336,138
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>2,909,970,910</b>	<b>-</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	2,909,970,910	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>197,359,689,942</b>	<b>198,304,366,241</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>197,359,689,942</b>	<b>198,304,366,241</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		61,725,230,000	61,725,230,000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		61,725,230,000	61,725,230,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		137,662,054,443	137,662,054,443
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		2,140,945,047	2,140,945,047
415	4. Cổ phiếu quỹ		(11,666,581,607)	(11,666,581,607)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		2,243,857,861	2,243,857,861
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5,254,184,198	6,198,860,497
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		615,756,943	198,070,723
421b	LNST chưa phân phối năm nay		4,638,427,255	6,000,789,774
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>220,789,256,165</b>	<b>207,250,485,863</b>


Nguyễn Thị Xuân  
Người lập

Nguyễn Thị Xuân  
Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2021



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	50,629,304,100	69,751,197,282
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	81,337,220	515,213,251
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		50,547,966,880	69,235,984,031
11	4. Giá vốn hàng bán	24	38,211,065,824	58,512,091,430
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		12,336,901,056	10,723,892,601
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	10,415,648,963	4,613,280,611
22	7. Chi phí tài chính	26	8,926,311,067	(622,681,179)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	57,444,666
25	8. Chi phí bán hàng	27	1,802,275,829	1,595,239,539
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	8,655,723,061	7,251,358,345
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3,368,240,062	7,113,256,507
31	11. Thu nhập khác	29	1,832,146,467	9,876,210
32	12. Chi phí khác	30	539,292,712	88,470,301
40	13. Lợi nhuận khác		1,292,853,755	(78,594,091)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4,661,093,817	7,034,662,416
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	22,666,562	1,033,872,642
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4,638,427,255	6,000,789,774





Nguyễn Thị Xuân  
Người lập

Nguyễn Thị Xuân  
Kế toán trưởng

Hoàng Minh Anh Tú  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

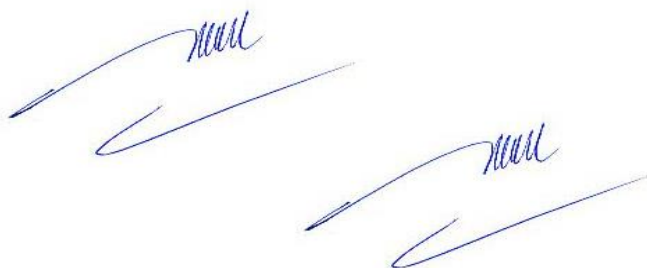
Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>4,661,093,817</b>	<b>7,034,662,416</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		3,961,450,025	4,327,435,775
03	- Các khoản dự phòng		8,918,937,300	(731,342,577)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	64,123
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(9,872,245,017)	(4,574,385,050)
06	- Chi phí lãi vay		-	57,444,666
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>7,669,236,125</b>	<b>6,113,879,353</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		13,481,701,634	(7,393,010,841)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		2,874,987,865	8,403,154,865
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		11,419,164,464	(499,996,725)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		425,001,145	(176,921,215)
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(57,444,666)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(433,872,642)	(1,236,437,935)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		100,000	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(179,951,000)	-
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>35,256,367,591</b>	<b>5,153,222,836</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(8,737,801,939)	(591,699,357)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		96,818,181	60,652,363
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(57,080,438,953)	(27,146,902,137)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		21,400,000,000	21,050,000,000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(37,370,000)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5,492,972,906	3,650,286,707
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(38,828,449,805)</b>	<b>(3,015,032,424)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		3,637,463,637	12,643,158,421
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		-	(12,643,158,421)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5,565,227,974)	(4,574,819,280)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(1,927,764,337)</b>	<b>(4,574,819,280)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
*Năm 2020*  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(5,499,846,551)	(2,436,628,868)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		12,549,493,804	14,986,186,795
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(64,123)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>7,049,647,253</u>	<u>12,549,493,804</u>



Nguyễn Thị Xuân  
Người lập

Nguyễn Thị Xuân  
Kế toán trưởng



Hoàng Minh Anh Tú  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2021

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
*Năm 2020*

**1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 28/CP ngày 07 tháng 05 năm 1996 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần và Quyết định số 3336/QĐ-UB-KT ngày 26 tháng 06 năm 1998 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá trị doanh nghiệp của Công ty Văn hóa Dịch vụ Tổng hợp Tân Bình và chuyển thành Công ty Cổ phần Văn hóa Tân Bình. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 0301420079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 08 năm 1998, đăng ký thay đổi lần thứ 36 ngày 18 tháng 06 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 61.725.230.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 61.725.230.000 đồng; tương đương 6.172.523 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 50 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 45 người).

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trên các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu bao bì và cung ứng dịch vụ công nghệ thông tin.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất ngành in, ngành bao bì giấy, ngành bao bì nhựa, ngành khăn giấy;
- Sản xuất ngành hóa chất nhựa, hạt nhựa màu;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Sản xuất băng đĩa nhạc;
- Kinh doanh thương mại, dịch vụ;
- Kinh doanh cho thuê mặt bằng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

<b>Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
Xí nghiệp In Tổng hợp Alta	Thành phố Hồ Chí Minh	In ấn
Xí nghiệp In Đa phương tiện	Thành phố Hồ Chí Minh	In ấn, sản xuất phim
Trung tâm giải trí, rạp Cinemax	Thành phố Hồ Chí Minh	Trung tâm giải trí, rạp 3D-4D

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Công ty và các Công ty con.

### **2.4 . Công cụ tài chính**

#### *Ghi nhận ban đầu*

#### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

**2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## **2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.10 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                                   |             |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 - 30 năm |
| - Máy móc, thiết bị               | 05 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 05 năm |
| - Quyền sử dụng đất               | 40 - 50 năm |
| - Phần mềm quản lý                | 04 - 06 năm |

**2.11 . Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 30 năm

**2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**2.13 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.14 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.15 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.16 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.17 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.



**2.18 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng .

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.19 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán.

Các khoản hàng bán bị trả lại; giảm giá hàng bán phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

**2.21 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.22 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

## a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

## b) Ưu đãi thuế

Theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19 tháng 06 năm 2020 về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác Công ty thuộc đối tượng giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

## c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

**2.24 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tiền mặt	975,420,240	257,230,348
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2,574,227,013	7,792,263,456
Các khoản tương đương tiền	3,500,000,000	4,500,000,000
	<u><b>7,049,647,253</b></u>	<u><b>12,549,493,804</b></u>

Tại ngày 31/12/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 3.500.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với lãi suất từ 2,9%/năm đến 3,3%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn <sup>(1)</sup>	51,627,341,090	-	29,046,902,137	-
	<b>51,627,341,090</b>	<b>-</b>	<b>29,046,902,137</b>	<b>-</b>

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>40,200,000,000</b>		<b>(8,972,322,223)</b>	<b>40,200,000,000</b>		<b>(53,384,923)</b>
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	20,000,000,000			20,000,000,000		-
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	20,000,000,000		(8,772,322,223)	20,000,000,000		-
- Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Âu Lạc	200,000,000		(200,000,000)	200,000,000		(53,384,923)
<b>Đầu tư vào Công ty liên kết</b>	<b>4,700,000,000</b>		-	<b>4,700,000,000</b>		-
- Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	4,700,000,000		-	4,700,000,000		-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>159,699,200</b>	<b>185,673,600</b>	-	<b>159,699,200</b>	<b>176,832,000</b>	-
- Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai - DPP (11.052 cổ phiếu)	100,199,200	185,673,600	-	100,199,200	176,832,000	-
- Công ty Cổ phần Giấy Lê Hoa (5.450 cổ phiếu)	59,500,000		-	59,500,000		-
	<b>45,059,699,200</b>	<b>185,673,600</b>	<b>(8,972,322,223)</b>	<b>45,059,699,200</b>	<b>176,832,000</b>	<b>(53,384,923)</b>

Ngoài khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược Đồng Nai được xác định giá trị hợp lý theo giá đóng cửa của cổ phiếu DPP trên sàn UpCOM tại ngày 31/12/2020 và 01/01/2020, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính khác do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác****Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Sản xuất và dịch vụ
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Công nghệ và truyền thông
Công ty TNHH MTV Phát triển Phần mềm Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Công nghệ thông tin

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc	Thành phố Hồ Chí Minh	47%	47%	In ấn và quảng cáo

(1) Tại ngày 31/12/2020, các khoản đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 15 tháng có giá trị 51.627.341.090 VND được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,0%/năm đến 7,5%/năm.

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	2,953,653,064	-	28,078,528,293	-
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	4,176,158,436	-	1,914,095,761	-
Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam)	3,881,887,028	-	4,068,336,938	-
Các khoản phải thu khách hàng	1,403,478,473	-	2,608,590,095	(26,000,000)
	<b>12,415,177,001</b>	<b>-</b>	<b>36,669,551,087</b>	<b>(26,000,000)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Novahomes An Phú	4,783,380,981	-	4,209,375,264	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Nhà	5,734,144,869	-	2,205,767,392	-
Công Ty Cổ Phần Novareal	789,679,574	-	-	-
Công Ty TNHH MTV Ứng Dụng Công Nghệ Và Dịch Vụ Truyền thông	5,000,000,000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	143,338,671	-	-	-
	<b>16,450,544,095</b>	<b>-</b>	<b>6,415,142,656</b>	<b>-</b>

**7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Trường Trung học Cơ sở Và Trung học Phổ thông Nhân Văn <sup>(1)</sup>	400,000,000	-	400,000,000	-
Các khoản cho vay cá nhân	-	-	1,100,000,000	-
	<b>400,000,000</b>	<b>-</b>	<b>1,500,000,000</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp)**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>b) Dài hạn</b>				
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền	15,000,000,000	-	15,000,000,000	-
Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc <sup>(3)</sup>	5,500,000,000	-	4,800,000,000	-
Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc <sup>(4)</sup>	13,500,000,000	-	-	-
	<b>34,000,000,000</b>	<b>-</b>	<b>19,800,000,000</b>	<b>-</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:**

- (1) Hợp đồng cho vay vốn số 01/05/2019 HDCVV ngày 27/05/2019 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 28/05/2020 giữa Công ty và Trường THCS và THPT Nhân Văn với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng số tiền cho vay: 1.000.000.000 đồng;
  - + Mục đích vay: Sử dụng cho hoạt động thường xuyên;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: 8%/năm;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 400.000.000 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

- (2) Bao gồm các hợp đồng vay vốn được ký kết giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng số tiền cho vay: 15.000.000.000 đồng;
  - + Mục đích vay: Đầu tư kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 5 năm kể từ ngày nhận tiền;
  - + Lãi suất cho vay: 5,5%/năm;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 15.000.000.000 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (3) Bao gồm các hợp đồng vay vốn được ký kết giữa Công ty và Công ty Cổ phần In Thương mại Quảng cáo Âu Lạc với các điều khoản chi tiết sau:
- + Tổng số tiền cho vay: 10.000.000.000 đồng;
  - + Mục đích vay: Đầu tư kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 3 năm kể từ ngày nhận tiền;
  - + Lãi suất cho vay: 8,5%/năm;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 5.500.000.000 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn (tiếp)**

(4) Bao gồm các hợp đồng vay vốn được ký kết giữa Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc với các điều khoản chi tiết sau:

(i) Hợp đồng vay vốn ngày 02/03/2020 với điều khoản như sau:

- + Số tiền vay : 10.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: 3 năm kể từ ngày nhận tiền;
- + Lãi suất cho vay: 6%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 10.000.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

(ii) Hợp đồng vay vốn ngày 07/01/2020 với điều khoản như sau:

- + Tổng số tiền cho vay: 3.500.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: 3 năm kể từ ngày nhận tiền;
- + Lãi suất cho vay: 6%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 3.500.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

**8 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	5,752,000,000	-	2,128,000,000	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,293,754,626	-	-	-
Phải thu khác	22,094,205	-	64,127,593	(44,911,543)
	<b>7,067,848,831</b>	<b>-</b>	<b>2,192,127,593</b>	<b>(44,911,543)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	1,000,000	-	6,000,000	-
	<b>1,000,000</b>	<b>-</b>	<b>6,000,000</b>	<b>-</b>

**9 . NỢ XẤU**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Xuất nhập khẩu Tân Đình Phong	-	-	26,000,000	-
- Công Ty Cổ Phần Mỹ Thuật Sen Việt	-	-	44,911,543	-
	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>70,911,543</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**10 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	782,524,381	-	3,608,444,948	-
Công cụ, dụng cụ	6,122,545	-	220,000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dờ dang	29,910,048	-	-	-
Thành phẩm	55,889,758	-	63,792,633	-
Hàng hoá	85,000,000	-	161,977,016	-
	<b>959,446,732</b>	<b>-</b>	<b>3,834,434,597</b>	<b>-</b>

**11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>7,290,473,693</b>	-
- Dự án đầu tư hệ thống điện năng lượng lượng mặt trời (*)	7,290,473,693	-
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>2,690,358,106</b>	<b>4,906,443,971</b>
- Mua sắm căn hộ GM2-20.03	-	2,360,928,026
- Mua sắm căn hộ SR.E1A-04.10(**)	2,690,358,106	2,545,515,945
<b>Sửa chữa lớn tài sản cố định</b>	<b>1,229,210,798</b>	-
- Chi phí sửa chữa tòa nhà văn phòng	882,385,560	-
- Chi phí sửa chữa trung tâm Unique	346,825,238	-
	<b>11,210,042,597</b>	<b>4,906,443,971</b>

(\*) Tháng 12 năm 2020, Công ty đánh dấu khởi đầu mới của năng lượng xanh với chiến lược đầu tư vào hệ thống năng lượng mặt trời 920kWp. Các tấm pin mặt trời được lắp đặt phủ kín toàn bộ khu vực mái nhà xưởng với tổng diện tích 10.000 m<sup>2</sup>. Hệ thống được đầu tư trên cơ sở phù hợp đặc điểm khí hậu ở TP. Hồ Chí Minh và yêu cầu nghiêm ngặt về kết cấu hệ thống mái nhà xưởng. Tổng giá trị theo hợp đồng kinh tế số 2681020/SN - VHTB là 13.337.368.000 đồng ( Đã bao gồm VAT). Dự án đã được đầu nối với lưới điện vào ngày 17/12/2020 và dự kiến đưa vào hoạt động chính thức trong năm 2021.

(\*\*) Các khoản chi phí liên quan đến việc mua căn hộ tại dự án Sunrise Riverside Nhà Bè với mục đích cho chuyên gia nước ngoài thuê. Tính tới thời điểm 31/12/2020, công trình đang trong giai đoạn hoàn thiện nội thất đưa vào sử dụng.

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	22,883,305,733	17,185,509,807	4,448,587,610	650,743,275	45,168,146,425
- Mua trong năm	443,571,000	893,790,495	1,096,841,818	-	2,434,203,313
- Thanh lý, nhượng bán	-	(6,758,802,579)	(336,070,028)	-	(7,094,872,607)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>23,326,876,733</b>	<b>11,320,497,723</b>	<b>5,209,359,400</b>	<b>650,743,275</b>	<b>40,507,477,131</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	15,225,928,683	14,162,608,044	2,716,925,671	540,921,586	32,646,383,984
- Khấu hao trong năm	1,166,871,242	1,115,727,733	457,843,162	212,811,141	2,953,253,278
- Thanh lý, nhượng bán	-	(6,123,501,883)	(336,070,028)	-	(6,459,571,911)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>16,392,799,925</b>	<b>9,154,833,894</b>	<b>2,838,698,805</b>	<b>753,732,727</b>	<b>29,140,065,351</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	7,657,377,050	3,022,901,763	1,731,661,939	109,821,689	12,521,762,441
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>6,934,076,808</b>	<b>2,165,663,829</b>	<b>2,370,660,595</b>	<b>(102,989,452)</b>	<b>11,367,411,780</b>

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.627.280.612 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	6,237,885,093	453,752,904	6,691,637,997
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6,237,885,093</b>	<b>453,752,904</b>	<b>6,691,637,997</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	2,129,098,462	445,419,577	2,574,518,039
- Khấu hao trong năm	149,410,416	8,333,327	157,743,743
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2,278,508,878</b>	<b>453,752,904</b>	<b>2,732,261,782</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	4,108,786,631	8,333,327	4,117,119,958
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>3,959,376,215</b>	-	<b>3,959,376,215</b>

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 453.752.904

**14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư của Công ty là tòa nhà Alta Plaza có địa chỉ tại đường Phạm Văn Hai, Phường 3, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, được sử dụng với mục đích cho thuê với nguyên giá là 52.456.972.189 đồng, giá trị hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2020 là 25.009.473.378 đồng, trong đó khấu hao trong kỳ là 850.453.004 đồng.

**15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	280,777,882
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	33,151,925	177,375,188
	<b>33,151,925</b>	<b>458,153,070</b>

**16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	8,050,781,653	8,050,781,653	-	-
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ và Dịch vụ Truyền thông Âu Lạc	518,275,963	518,275,963	237,692,771	237,692,771
- Đối tượng	806,132,294	806,132,294	159,455,424	159,455,424
	<b>9,375,189,910</b>	<b>9,375,189,910</b>	<b>397,148,195</b>	<b>397,148,195</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	269,795,384	2,305,598,958	2,575,394,342	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	8,060,526	8,060,526	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	433,872,642	22,666,562	433,872,642	-	22,666,562
Thuế Thu nhập cá nhân	-	17,645,370	257,817,545	260,045,715	-	15,417,200
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	67,408,634	67,408,634	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6,000,000	6,000,000	-	-
	-	<b>721,313,396</b>	<b>2,667,552,225</b>	<b>3,350,781,859</b>	-	<b>38,083,762</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**18 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	12,343,980	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6,936,832,872	2,623,982,312
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	88,438,820	70,563,240
- Quỹ phải trả người lao động	1,073,555,442	1,073,555,442
- Bà Trần Thị Huệ	-	700,000,000
- Công ty TNHH MTV Ứng dụng Công nghệ Kỹ thuật Nhựa Âu Lạc	-	1,100,000,000
- Tiền thưởng Ban điều hành	420,915,454	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	40,520,043	21,186,172
	<b>8,572,606,611</b>	<b>5,589,287,166</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình, P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</b>	-	-	<b>727,492,727</b>	-	<b>727,492,727</b>	<b>727,492,727</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình (*)	-	-	727,492,727	-	727,492,727	727,492,727
	-	-	<b>727,492,727</b>	-	<b>727,492,727</b>	<b>727,492,727</b>
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình (*)	-	-	3,637,463,637	-	3,637,463,637	3,637,463,637
	-	-	<b>3,637,463,637</b>	-	<b>3,637,463,637</b>	<b>3,637,463,637</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	(727,492,727)	-	(727,492,727)	(727,492,727)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	-	-			<b>2,909,970,910</b>	<b>2,909,970,910</b>

(\*) Hợp đồng cấp tín dụng số 1367/TBN-KDN/20DH ngày 03 tháng 12 năm 2020 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 8.480.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ liên quan đến việc đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái tại Lô II-3, Nhóm Công Nghiệp II, Đường số 11, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;
- + Thời hạn của hợp đồng: 60 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Ghi trên từng giấy nhận nợ và điều chỉnh định kỳ 03 tháng/ lần;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 3.637.463.637 đồng trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 727.492.727 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp bằng tài sản hình thành từ khoản vay.

**20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>61,725,230,000</b>	<b>137,662,054,443</b>	<b>2,140,945,047</b>	<b>(11,666,581,607)</b>	<b>2,243,857,861</b>	<b>4,787,437,923</b>	<b>196,892,943,667</b>
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	6,000,789,774	6,000,789,774
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(4,589,367,200)	(4,589,367,200)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>61,725,230,000</b>	<b>137,662,054,443</b>	<b>2,140,945,047</b>	<b>(11,666,581,607)</b>	<b>2,243,857,861</b>	<b>6,198,860,497</b>	<b>198,304,366,241</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>61,725,230,000</b>	<b>137,662,054,443</b>	<b>2,140,945,047</b>	<b>(11,666,581,607)</b>	<b>2,243,857,861</b>	<b>6,198,860,497</b>	<b>198,304,366,241</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	4,638,427,255	4,638,427,255
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(5,583,103,554)	(5,583,103,554)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>61,725,230,000</b>	<b>137,662,054,443</b>	<b>2,140,945,047</b>	<b>(11,666,581,607)</b>	<b>2,243,857,861</b>	<b>5,254,184,198</b>	<b>197,359,689,942</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/NQĐHCD/2020 ngày 26/06/2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100.00%	6,198,860,497
Chi trả cổ tức	90.07%	5,583,103,554
Lợi nhuận chưa phân phối	9.93%	615,756,943

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Công ty Cổ phần Địa ốc A.C.B	17.03%	10,512,440,000	17.03%	10,512,440,000
Tổng Công ty Công nghiệp In - Bao bì Liksin - TNHH MTV	12.32%	7,602,110,000	12.32%	7,602,110,000
Ông Hoàng Văn Điều	9.37%	5,788,600,000	9.37%	5,788,600,000
Bà Lại Thị Hồng Điệp	5.77%	3,558,630,000	5.77%	3,558,630,000
Ông La Thế Nhân	4.79%	2,955,500,000	4.79%	2,955,500,000
Các cổ đông khác	43.66%	26,949,810,000	43.66%	26,949,810,000
Cổ phiếu quỹ	7.06%	4,358,140,000	7.06%	4,358,140,000
	<b>100%</b>	<b>61,725,230,000</b>	<b>100%</b>	<b>61,725,230,000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	61,725,230,000	61,725,230,000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>61,725,230,000</i>	<i>61,725,230,000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>61,725,230,000</i>	<i>61,725,230,000</i>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm</i>	<i>70,563,240</i>	<i>56,015,320</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	<i>5,583,103,554</i>	<i>4,589,367,200</i>
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	5,583,103,554	4,589,367,200
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	<i>(5,565,227,974)</i>	<i>(4,574,819,280)</i>
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	<i>(5,565,227,974)</i>	<i>(4,574,819,280)</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</i>	<i>88,438,820</i>	<i>70,563,240</i>

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6,172,523	6,172,523
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	6,172,523	6,172,523
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>6,172,523</i>	<i>6,172,523</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại ( <i>cổ phiếu quỹ</i> )	435,814	435,814
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>435,814</i>	<i>435,814</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5,736,709	5,736,709
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5,736,709</i>	<i>5,736,709</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	2,243,857,861	2,243,857,861
	<b>2,243,857,861</b>	<b>2,243,857,861</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng, mặt bằng theo hợp đồng cho thuê hoạt động

**b) Tài sản thuê ngoài**

Công ty được Nhà nước cho thuê một số lô đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo hình thức trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**c) Ngoại tệ các loại**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	721.29	734.49

**d) Nợ khó đòi đã xử lý**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Xuất nhập khẩu Tân Đình Phong	26,000,000	-
- Công Ty Cổ Phần Mỹ Thuật Sen Việt	44,911,543	-

**22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	17,141,548,894	21,550,524,430
Doanh thu bán thành phẩm	16,074,309,122	31,814,960,761
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17,413,446,084	16,385,712,091
	<b><u>50,629,304,100</u></b>	<b><u>69,751,197,282</u></b>

**23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	55,302,340	515,213,251
Giảm giá hàng bán	26,034,880	-
	<b><u>81,337,220</u></b>	<b><u>515,213,251</u></b>

**24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	16,789,932,195	21,806,175,511
Giá vốn của thành phẩm đã bán	15,244,072,002	30,933,663,796
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6,177,061,627	5,772,252,123
	<b><u>38,211,065,824</u></b>	<b><u>58,512,091,430</u></b>

**25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	5,910,727,532	2,688,247,882
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4,500,000,000	1,919,985,400
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4,921,431	5,047,329
	<b><u>10,415,648,963</u></b>	<b><u>4,613,280,611</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	57,444,666
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	7,373,767	51,152,609
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	64,123
Dự phòng/ Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	8,918,937,300	(731,342,577)
	<b>8,926,311,067</b>	<b>(622,681,179)</b>

**27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nhân công	117,139,000	113,542,645
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,579,903,436	1,386,013,033
Chi phí khác bằng tiền	105,233,393	95,683,861
	<b>1,802,275,829</b>	<b>1,595,239,539</b>

**28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18,906,551	86,572,095
Chi phí nhân công	4,638,722,693	4,333,076,083
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,003,050,979	1,024,802,370
Thuế, phí, lệ phí	89,673,410	179,606,604
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,688,099,835	1,156,105,188
Chi phí khác bằng tiền	1,217,269,593	471,196,005
	<b>8,655,723,061</b>	<b>7,251,358,345</b>

**29 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tiền phạt thu được	155,240,000	-
Bồi thường giải phóng mặt bằng <sup>(*)</sup>	1,654,790,559	-
Thu nhập khác	22,115,908	9,876,210
	<b>1,832,146,467</b>	<b>9,876,210</b>

(\*) Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng một phần diện tích tại các thửa đất số 09; 11 Trường Chinh, Phường 11 và 654 Trường Chinh, Phường 13, Quận Tân Bình do Công ty đang sử dụng để thực hiện Dự án Xây dựng tuyến tàu điện ngầm số 02 thành phố Hồ Chí Minh.

**30 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	538,482,515	33,848,232
Các khoản bị phạt	810,197	54,622,069
	<b>539,292,712</b>	<b>88,470,301</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4,661,093,817	7,034,662,416
Các khoản điều chỉnh tăng	810,197	54,686,192
- Chi phí không hợp lệ	810,197	54,622,069
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	64,123
Các khoản điều chỉnh giảm	(4,500,000,000)	(1,919,985,400)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(4,500,000,000)	(1,919,985,400)
Thu nhập chịu thuế TNDN	161,904,014	5,169,363,208
Thuế suất thuế TNDN năm nay	20%	20%
Chi phí thuế TNDN năm nay	32,380,803	1,033,872,642
Miễn giảm 30% thuế TNDN theo Nghị quyết 116/2020/QH14	30%	0%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>22,666,562</b>	<b>1,033,872,642</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	433,872,642	636,437,935
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(433,872,642)	(1,236,437,935)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>22,666,562</b>	<b>433,872,642</b>

**32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8,832,886,479	24,250,831,243
Chi phí nhân công	7,489,904,502	6,219,039,948
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3,961,450,025	4,327,435,775
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9,620,570,663	9,032,513,800
Chi phí khác bằng tiền	1,596,328,023	1,719,931,397
	<b>31,501,139,692</b>	<b>45,549,752,163</b>

**33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7,049,647,253	-	12,549,493,804	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19,484,025,832	-	38,867,678,680	(70,911,543)
Các khoản cho vay	86,027,341,090	-	50,346,902,137	-
Đầu tư dài hạn	100,199,200	-	100,199,200	-
	<b>112,661,213,375</b>	<b>-</b>	<b>101,864,273,821</b>	<b>(70,911,543)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	3,637,463,637	-
Phải trả người bán, phải trả khác	17,947,796,521	5,986,435,361
Chi phí phải trả	-	409,904,727
	<b>21,585,260,158</b>	<b>6,396,340,088</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>				
Đầu tư dài hạn	-	100,199,200	-	100,199,200
	<b>-</b>	<b>100,199,200</b>	<b>-</b>	<b>100,199,200</b>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Đầu tư dài hạn	-	100,199,200	-	100,199,200
	<b>-</b>	<b>100,199,200</b>	<b>-</b>	<b>100,199,200</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7,049,647,253	-	-	7,049,647,253
Phải thu khách hàng, phải thu khác	19,483,025,832	1,000,000	-	19,484,025,832
Các khoản cho vay	52,027,341,090	34,000,000,000	-	86,027,341,090
	<b>78,560,014,175</b>	<b>34,001,000,000</b>	<b>-</b>	<b>112,561,014,175</b>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12,549,493,804	-	-	12,549,493,804
Phải thu khách hàng, phải thu khác	38,790,767,137	6,000,000	-	38,796,767,137
Các khoản cho vay	30,546,902,137	19,800,000,000	-	50,346,902,137
	<b>81,887,163,078</b>	<b>19,806,000,000</b>	<b>-</b>	<b>101,693,163,078</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>				
Vay và nợ	727,492,727	2,909,970,910	-	3,637,463,637
Phải trả người bán, phải trả khác	17,947,796,521	-	-	17,947,796,521
	<b>18,675,289,248</b>	<b>2,909,970,910</b>	<b>-</b>	<b>21,585,260,158</b>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	5,986,435,361	-	-	5,986,435,361
Chi phí phải trả	409,904,727	-	-	409,904,727
	<b>6,396,340,088</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6,396,340,088</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính

**34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

**35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản xuất và thương mại	Hoạt động dịch vụ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	33,160,555,676	17,387,411,204	50,547,966,880
Chi phí bộ phận trực tiếp	32,034,004,197	6,177,061,627	38,211,065,824
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>1,126,551,479</b>	<b>11,210,349,577</b>	<b>12,336,901,056</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	2,434,203,313	-	2,434,203,313
Tài sản bộ phận trực tiếp	121,903,240,264	62,798,638,924	184,701,879,188
Tài sản không phân bổ	-	-	36,087,376,977
<b>Tổng tài sản</b>	<b>121,903,240,264</b>	<b>62,798,638,924</b>	<b>220,789,256,165</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	15,463,513,707	7,966,052,516	23,429,566,223
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>15,463,513,707</b>	<b>7,966,052,516</b>	<b>23,429,566,223</b>

Do toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĂN HÓA TÂN BÌNH**

Lô II-3, Nhóm CN 2, Đường số 11, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**36 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



**Nguyễn Thị Xuân**

Người lập



**Nguyễn Thị Xuân**

Kế toán trưởng



**Hoàng Minh Anh Tú**

Tổng Giám đốc

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2021*